

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2024
và sửa đổi danh mục một số dự án tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 10 năm 2024 của
Ban kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2024
và sửa đổi danh mục một số dự án tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08
tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh mục bổ sung mới 59 dự án cần thu hồi đất năm 2024 với
tổng diện tích 193,44 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế -
xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong đó gồm:
03 danh mục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh với diện tích 8,25 ha và
56 danh mục thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội với diện tích 185,19 ha.

(phụ lục 01 kèm theo)

2. Sửa đổi 46 danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023.

(phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024, hủy danh mục các dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Hằng



Phụ lục 01: DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024

(Theo Nghị quyết số *11* /2024/NQ-HĐND ngày *31* tháng *10* năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

(1)	(2)	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh	8,25										
I	Huyện Đồng Phú	0,70										
1	Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 -2025 (hạng mục xây dựng nhà ở doanh trại và trụ sở là việc 11 xã, thị trấn)	0,70	CLN, SON và các loại đất khác	xã Tân Tiến, xã Thuận Lợi, xã Thuận Phú	58,800					58,800		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
II	Huyện Bù Đốp	0,25										
1	Trụ sở Công an xã Hưng Phước	0,25	CLN	xã Hưng Phước						x		Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh
III	Huyện Bù Đăng	7,30										
1	Xây dựng khối Trụ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	7,30	CLN ONT	Đăng Hà	28.000		x			x		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của HĐND huyện
B	Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội	185,19										
I	Thành phố Đồng Xoài	81,58										
1	Trạm 110kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đầu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2	0,73	CLN + ODT và các loại đất khác	Các phường: Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	101.848.803			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 4295/UBND-TH ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh
2	Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo	0,42	CLN + ODT và các loại đất khác	Các xã: Tân Hưng, Tân Thành	214.527.088			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 83/UBND-TH ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng Hẻm 461	0,57	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Hưng	5.900.000					5.900.000		Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố
4	Vận động GPMB đường Vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến dự án KDC Tân Hưng II)	0,71	ONT + CLN	Xã Tân Hưng	210.000					210.000		Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường vành đai 32m đến đường Võ Văn Tần)	1,41	CLN + ODT và các loại đất khác	Phường Tân Bình	1.500.000					1.500.000		Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố
6	Vận động GPMB đường quy hoạch Tân Bình 3	0,78	CLN + ODT và các loại đất khác	Phường Tân Bình	570.000					570.000		Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND thành phố
7	Dự án đo vẽ, cắm mốc, nạo vét, mở rộng và làm đường sỏi đỏ hai bên suối (từ Phú Riêng Đò đến Suối Rạt)	4,27	CLN + ODT và các loại đất khác	Phường Tân Đông	5.500.000					5.500.000		Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND thành phố
8	Vận động GPMB đường QH số 41	5,00	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	577.831					577.831		Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 01/8/2022 của HĐND thành phố
9	Vận động GPMB đường ĐH Tân Phú - Quốc lộ 14	20,00	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	571.347					571.347		
10	Vận động GPMB dự án đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I	14,10	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	1.104.005					1.104.005		
11	Vận động GPMB đường QH số 21 (đường vành đai 32m), đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành đến đường ĐH Tân Phú - Quốc lộ 14, dài 2.340m, rộng 32m; đoạn 2 từ đường ĐH Tân Phú - Quốc lộ 14 đến đường Vành đai 2	17,88	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	2.760.104					2.760.104		
12	Vận động GPMB đường QH D5	2,10	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	730.000					730.000		
13	Vận động GPMB đường vòng quanh hồ suối Cam 2	15,50	CLN + ODT và các loại đất khác	Xã Tân Thành	1.510.093					1.510.093		
14	Mương công thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài II	0,12	ODT, CLN	Tiến Thành	8.627	1.992			6.635			Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh
15	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III	0,12	ODT, CLN	Tiến Thành, Tiến Hưng	10.203	403			9.800			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
16	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài I	0,06	LUK	Tân Thành	15.000	6.000			9.000			Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh
II Thị xã Phước Long		0,97										
1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Thống Nhất (đoạn từ UBND phường Phước Bình đến ngã 3 Phước Quả)	0,10	CLN	phường Phước Bình, xã Phước Tín	22.500		500			22.000		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã
2	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lý Thái Tổ (từ cầu An Lương đến đường Lê Hồng Phong)	0,83	CLN	phường Long Thủy	18.000		300			17.700		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã
3	Xây dựng khu điều trị cách ly tại Trung tâm y tế	0,04	CLN, SKC	phường Long Thủy	7.900		200			7.900,000		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND thị xã
III Thị xã Bình Long		0,02										
1	Xây dựng đường giao thông nông thôn tổ 4, ấp Thanh Trung, xã Thanh Lương	0,02	CLN	xã Thanh Lương	170,35		Không thực hiện bồi thường về đất			103,58	66,95	Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của UBND thị xã
IV Thị xã Chơn Thành		12,10										
1	Đường kết nối Hôn Quán ra Quốc lộ 14 (xã Nha Bích, thị xã Chơn Thành)	2,55	CLN, ONT, DGT, SON và các loại đất khác	Mình Thắng, Nha Bích	78.750	78.750						Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh
2	Nâng cấp mở rộng đường Trần Quốc Thảo	1,00	CLN	Hưng Long	7.500				7.500			Quyết định 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thị xã
3	Nâng cấp mở rộng đường liên khu phố 10 phường Hưng Long	2,00	CLN	Hưng Long	14.900				14.900			Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND thị xã
4	Trường Trung học cơ sở Thành Tâm	6,10		Thành Tâm	90.000			21.000		69.000		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 05/6/2023 của HĐND thị xã

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Mở rộng, nâng cấp đường DH10 (đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng)	0,45	ONT; CLN	Minh Lập	80.000				80.000			Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh
V	Huyện Đồng Phú	28,57										
1	Xây dựng đường vòng quanh trung Đồng Ca, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	3,25	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	Thị trấn Tân Phú	9.000					9.000		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
2	Xây dựng công thoát nước tại ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú	0,20	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	xã Thuận Phú	1.000					1.000		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
3	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến	4,60	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	xã Đồng Tiến	8.500					8.500		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
4	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Điệp - Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô)	3,50	ODT + CLN và loại đất khác	xã Tân Phước	6.500					6.500		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
5	Xây dựng công thoát nước tại ấp Thuận Thành, xã Thuận Lợi	0,20	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	xã Thuận Lợi	800					800		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
6	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ ĐT. 753 đến đường Đồng Phú - Bình Dương, xã Tân Lợi)	10,50	ONT + CLN và loại đất khác	xã Tân Lợi	14.900					14.900		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
7	Đường Bắc - Nam 1 - Từ ĐT. 741 kết nối với tuyến 3	1,87	OD T+ CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	11.000					11.000		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
8	Nâng cấp mở rộng đường tổ 21, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú (đoạn từ đường ĐT. 741 đến đường Phú Riêng Đò nối dài lên KCN Bắc Đồng Phú)	0,50	ODT + CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	4.000					4.000		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	Dự án bố trí TĐC Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	3,95	CLN	xã Đòng Tâm		X			X			Công văn số 837/UBND-TH ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh
VI	Huyện Bù Đốp	1,04										
1	Điện khí hoá xã Thiện Hưng	1,04	CLN	xã Thiện Hưng							x	Quyết định số 20262/QĐ-TCKT ngày 19/12/2005
VII	Huyện Bù Đăng	25,18										
1	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường PTĐTNT THCS và THPT Điều Ong	1,00	CLN	Đoàn Kết	12.000		x			x		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của HĐND huyện
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	1,03	CLN, ODT	Đức Phong	10.000		x			x		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của HĐND huyện
3	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (thuộc Dự án Khu dân cư Lý Thường Kiệt)	10,64	CLN ODT	Đức Phong	109.000		x			x		Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện
4	Xây dựng Trạm Y tế thị trấn Đức Phong	0,06	CLN ODT	Đức Phong	6.000		x			x		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của HĐND huyện
5	Xây dựng Khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), đoạn qua địa phận huyện Bù Đăng	6,00	CLN ODT	Đức Phong	56.000	x			x			Công văn số 1422/UBND-KT ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh
6	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	3,10	CLN	Đăng Hà	16.000		x			x		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của HĐND huyện
7	Mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung	0,50	CLN	Nghĩa Trung	18.600		x			x		Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện
8	Xây dựng đường bê tông xi măng thôn 3, xã Nghĩa Trung (vào Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,90	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND huyện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	Xây dựng đường bê tông xi măng thôn 2, xã Nghĩa Trung (Nhà bà Hằng đến đường ĐT 753B)	1,20	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của UBND huyện
10	Xây dựng đường bê tông xi măng tổ 8, thôn 3, xã Nghĩa Trung (Trường Tiểu học Nghĩa Trung - Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,30	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện
11	Xây dựng đường bê tông xi măng tổ 4, thôn 3, xã Nghĩa Trung (Đường BTXM tổ 3, thôn 3 - Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,10	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND huyện
12	Xây dựng đường bê tông xi măng tổ 10, thôn 3, xã Nghĩa Trung (đoạn từ Chùa Trúc Lâm xuống đập Hồ ông Thoại)	0,20	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND huyện
13	Đường bê tông xi măng tổ 4, thôn 2, xã Nghĩa Trung (nối tiếp)	0,15	CLN	Nghĩa Trung								Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND huyện
VIII	Huyện Phú Riềng	32,20										
1	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (giai đoạn 3)	8,50	CLN	xã Long Hà và Long Bình	25.000		1.000			24.000		Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
2	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (giai đoạn 4)	14,50	CLN; ONT;	xã Long Bình	40.000		500			39.500		Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
3	Nâng cấp, mở rộng đường Long Hưng - Đakia	3,50	CLN	xã Long Hưng, Long Bình	25.000		600			24.400		Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện
4	Nâng cấp, mở rộng đoạn cuối tuyến đường Long Hưng - Đakia đi Long Bình	0,80	CLN	xã Long Hưng, Long Bình	3.000		Không bồi thường về đất			3.000		Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thôn Phú Mang 1 đi đường dọc Sông Bé	2,00	CLN; ONT	Long Hà	3.000		Không bồi thường về đất			3.000		Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT tuyến chính thôn Phước Thịnh, xã Bình Tân	0,90	CLN; ONT	xã Bình Tân	6.000		Không bồi thường về đất			6.000		Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (7) + ... + (12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ Trung tâm xã Long Tân đến đường dọc Sông Bé	2,00	CLN	xã Long Tân	6.000		Không bồi thường về đất			6.000		Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện
IX	Huyện Hớn Quản	3,53										
1	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Tân Khai II	3,53	CLN, ONT, SKC, SON	Tân khai	15.000	550			550			Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh
Tổng cộng		193,44										

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

ODT: Đất ở tại đô thị

ONT: Đất ở tại nông thôn

SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

SON: Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

DGT: Đất giao thông

DGD: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

H
I
N
H



**Phụ lục 02: DANH MỤC SỬA ĐỔI MỘT SỐ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUÁ
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 21/2023/NQ-HĐND NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2023**
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước:

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			
I Thành phố Đồng Xoài														
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 753 giai đoạn I (đoạn từ ngã 4 Sóc Miên thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú - Bình Dương)	5,74	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	480.000	40.000			207.266			232.734	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
2	Trụ sở Công an thành phố Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	14,40	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	200.000,0	200.000,0							Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	148,00	ODT, CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tiền Hưng Tân Xuân Tân Thành	3.000.000	587.380			646.120			1.766.500	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh	
II Thị xã Bình Long														
1	Dự án: Nạo vét kênh và công thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến.	4,50	CLN	An Lộc, Hưng Chiến			5.000				X		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	22,68	CLN	Hưng Chiến, Thanh Phú, Thanh Lương	12.340				11.340			1.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng Đường HCT3 từ ngã ba phường Hưng Chiến đến ngã ba Sóc Bình Ninh I	5,72	CLN	Hưng Chiến	14.900							14.900	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Bồi thường GPMB Dự án nạo vét kênh, xây dựng đường giao thông và công thoát nước tại các điểm ngập úng trên địa bàn thị xã Bình Long	1,05	ODT, CLN, HNK	An Lộc, Phú Đức				X				4.050	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú	
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			
III Thị xã Phước Long														
1	Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	11,00	CLN, ODT	Phường Phước Bình	10.000	10.000							Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT.759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	12,50	CLN, ODT	Phường Long Phước	10.000	10.000							Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bà Nghé xã Phước Tin (song song đường ĐT759)	24,10	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, xã Phước Tin	15.000	15.000							Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	6,00	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, Long Thủy, Thác Mơ, Sơn Giang, xã Long Giang, xã Phước Tin	140.000	8.000			132.000				Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	GPMB, xây dựng hàng rào khu di tích Cây Khế - Bà Định và phục dựng khu di tích nhà tù Bà Rá	6,17	CLN	Phường Sơn Giang, xã Long Giang	10.000	4.000				6.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
6	Xây dựng cầu bắt qua Sông Bé và đường kết nối đến huyện Bù Gia Mập (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	9,00	CLN, ONT	Xã Long Giang	8.000,0	8.000,0							NQ số 24/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
7	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	0,12	CLN	Phường Phước Bình	4.400		135			4.265		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của HĐND thị xã	
IV Huyện Phú Riềng													
1	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	0,8	CLN	Phù Trung	172800			9.600			163200	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
V Huyện Hớn Quản													
1	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	15,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	An Khương	240.000			20.000			220.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Cụm hồ tỉnh Bình Phước	2,40	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	An Khương	15.000			15.000				Quyết định số 1247/QĐ-BNN-XD ngày 31/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thái ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Sikico mở rộng	4,87	CLN, LUK, SON, DGT	Đồng Nơ	50.000	6.563			43.437			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
		3,50	RSX										
4	Xây dựng mương công thoát nước ngoài KCN Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Tân Khai	50.000	8.570			41.430			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
		2,29	LUK	Tân Khai									
5	TBA 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh sẽ đấu nối TBA 110kV Tân Hưng	0,91	CLN	Phước An, Tân Quan			3.888,00				157.751,00	Công văn số 2780/QĐ-EVNSPC ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	
6	Đường dây 110kV trạm 220kV Bình Long 2 - Bình Long	0,80	CLN	Phước An, Tân Lợi, Thanh Bình, TT. Tân Khai			32.301,00				156.808,00	Công văn số 2780/QĐ-EVNSPC ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
7	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	7,70	CLN, ONT, DGT, DTL	Tân Hiệp	604.000	3.000		4.000	153.000		444.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
8	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước.	7,60	CLN, ONT, DGT, DTL	Đồng Nơ	7.000	3.000		4.000				Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh	
VI Huyện Đồng Phú													
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú Bình Dương)	27,26	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL	Tân Phước, Tân Hưng	480.000	15.000			232.266		232.734	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 9/12/2022	
2	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	188,00	CLN, ONT, DGT, DTL, và các loại khác	Tân Hưng, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm	3.000.000	436.000			797.500		1.766.500	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
3	Đường Đồng Tiến-Tân Phú	11,30	CLN, ONT, DGT, DTL	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	180.000	33.000	0		147.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
4	Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	60,00	ODT, CLN, DGT, SON, ONT, CCC, CSK, HNK	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	646.000	186.000			460.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
5	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	10,00	CLN, ONT	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Lập	220.000			20.000			180.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú		
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác				
VII Huyện Bù Đăng															
1	Trạm 110kV Đức Liễu và ĐD 110kV trạm 110kV Bù Đăng - 110kV Đức Liễu	1,32	CLN	Minh Hưng, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Đức Liễu	8.000,0							x	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước		
2	Lộ ra 110kv từ trạm 220kv Phước Long (2 mạch)	0,04	CLN	Nghĩa Trung	9.712,0								x	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	
3	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	500,00	CLN, ONT, DGT, DTL, RSX và các loại đất khác	Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Thống Nhất, Phước Sơn, Đoàn Kết, Thọ Sơn, Phú Sơn	590.000						x			Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/2/2022 của HĐND tỉnh	
VII I Thị xã Chơn Thành															
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và Khu dân cư Becamex Bình Phước (Giai đoạn II)	12,27	ODT, DGD, CLN, DGT, SON, TMD, RSX	Minh Thành	100.000	17.400				82.600				Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	5,00	ODT, ONT, CLN, DGT, LUA	Minh Hưng	50.000	8.000				42.000				Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng	6,00	ODT, CLN, ONT, DGT, LUA	Minh Hưng	50.000	5.000				45.000				Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
4	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	122,81	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Mình Thành, Nha Bích, Minh Thắng,	3.000.000	335.000	-	-	898.500	-	1.776.500	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
5	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	6,00	CLN, DGT, ONT, ODT, LUA	Mình Long, Minh Tâm	604.000	7.000			149.000		488.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
6	Dự án Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành:	92,80	CLN, ONT, ODT, CQP, DTL	Mình Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành, Hưng Long	1.450.000	450.000			1.000.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
7	Xây dựng đường phía Tây quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng	44,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK	Mình Long, Thành Tâm	470.444	52.444			418.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
8	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (kết nối các tuyến đường Minh Thành - Bàu Năm	12,08	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS	Mình Thành, Nha Bích	70.000	13.190			56.810			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
9	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	55,34	ONT, CLN, DGT	Mình Hưng, Minh Long	1.450.000	22.040			322.960		1.105.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
10	Dự án GPMB Cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	64,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK, SON, BHK, DCK và các loại đất khác	Nha Bích, Minh Thành	314.000,0	64.000,0			250.000,0			Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
11	Dự án GPMB Cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (đăng ký bổ sung thêm 17,0 ha)	17,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK và các loại đất khác	Mình Thành, Nha Bích	314.000,0	314.000,0						Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
12	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	44,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK (0,6 ha)	Minh Long, Thành Tâm	470.444,0	52.444,0			418.000,0			Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
IX Huyện Lộc Ninh													
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	10,60	CLN, SON, ONT, LUK	Lộc Thành, Lộc Quang, Lộc An, Lộc Hòa	605.000	186.000				419.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	
X Huyện Bù Đốp													
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	8,00	LUK, CLN	Thị trấn Thanh Bình, xã Thanh Hoà, xã Tân Tiến, xã Tân Thành	604.000	8.000			148.000		448.000	Nghị quyết số 1310/QĐ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	
2	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	7,00	LUK, CLN và các loại đất khác	Thị trấn Thanh Bình, xã Thanh Hoà, xã Tân Tiến, xã Tân Thành					7.000			Quyết định 1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh	
Nay sửa đổi thành:													
STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
I	Thành phố Đồng Xoài												
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	5,74	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	480.000	40.000			207.266		232.734	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp với tên tại Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
2	GPMB, san lấp mặt bằng khu quy hoạch Trụ sở làm việc Công an thành phố, Trường tiểu học Tân Bình và khu dân cư hỗn hợp phường Tân Bình	14,40	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	200.000,0	200.000,0						Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên cho phù hợp
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	148,00	ODT, CLN, ONT, DGT, DTL, LUK và các loại đất khác	Tiền Hưng Tân Xuân Tân Thành	3.000.000	587.380		646.120		1.766.500		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thông nhất lại tên gọi theo văn bản của các cấp thẩm quyền; Bổ sung loại đất LUK theo Báo cáo 379/BC-BCSD ngày 14/5/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh
II Thị xã Bình Long													
1	Dự án Nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến.	4,50	CLN	An Lộc		5.000			X			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bỏ địa điểm phường Hưng Chiến do phường Hưng Chiến đã thực hiện và không phải thu hồi đất
2	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	22,68	CLN	Phường An Lộc, Phường Hưng Chiến, Xã Thanh Phú	12.340		11.340			1.000		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bỏ tên địa điểm xã Thanh Lương, thay bằng phường An Lộc. Do tuyến đường thực hiện trong giai đoạn này không thực hiện đoạn trên xã Thanh Lương và bổ sung phần diện tích thu hồi nằm trên phường An Lộc.

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
3	Xây dựng đường HCT3 (đoạn từ ĐT 752 đến HCT4)	0,57	CLN	Hung Chiến	14.900		0			14.900		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên để phù hợp với QĐ ghi vốn và điều chỉnh diện tích do sai chính tả.
4	Bồi thường GPMB Dự án nạo vét kênh, xây dựng đường giao thông và cống thoát nước tại các điểm ngập úng trên địa bàn thị xã Bình Long	1,05	ODT, CLN, HNK	Phường An Lộc Phường Hưng Chiến			X			4.050		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh địa điểm thu hồi từ phường Phú Đức sang phường Hưng Chiến, do không phải thực hiện thu hồi đất tại phường Phú Đức.
III Thị xã Phước Long													
1	Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	11,00	CLN, SKC, ODT	Phường Phước Bình	10.000	10.000						Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm loại đất thu hồi SKC
2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT.741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT.759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	12,50	CLN, SKC, ODT	Phường Long Phước	10.000	10.000						Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm loại đất thu hồi SKC
3	Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759)	24,10	CLN, SKC, ONT, ODT	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	15.000	15.000						Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm loại đất thu hồi SKC

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
4	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	6,00	CLN, ODT, ONT	Phường Phước Bình, Long Thủy, Thác Mơ, Sơn Giang, xã Long Giang	140.000	8.000			132.000			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ địa điểm thực hiện tại xã Phước Tín
5	GPMB, xây dựng hàng rào khu di tích Cây Khế - Bà Định và phục dựng khu di tích nhà tù Bà Rá	6,17	CLN	Phường Sơn Giang	10.000		4.000			6.000		Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ địa điểm thực hiện tại xã Long Giang
6	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bè (nội thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	9,00	CLN, ONT, SKC	Xã Long Giang	80.000,0	4.000,0			76.000,0			NQ số 24/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm loại đất thu hồi SKC
7	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Phước Bình	0,12	CLN, ODT	Phường Phước Bình	4.400		135			4.265		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của HĐND thị xã	Bổ sung thêm loại đất thu hồi ODT
IV Huyện Phú Riềng													
1	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	0,8	CLN	Phước Tân	172800			9.600			163200	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh địa chỉ khu đất do trước đây Công ty Điện lực Bình Phước đăng ký sai địa chỉ
V Huyện Hớn Quản													
1	Dự án cụm hồ tình Bình Phước	15,00	CLN, SON, ONT, DGT, HNK	An Khương	240.000		20.000				220.000	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh loại đất theo đề nghị của BQL dự án tỉnh tại Công văn số 565/BQLDA-ĐHDANN&PT NT ngày 31/5/2024

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
2	Dự án Cụm hồ tỉnh Bình Phước	2,40	CLN, SON, ONT, DGT, HNK	An Khương	15.000			15.000				Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh loại đất theo đề nghị của BQL dự án tỉnh tại Công văn số 565/BQLDA-ĐHDANN&PT NT ngày 31/5/2024
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Sikico mở rộng	4,87	CLN, SON, DGT	Đồng Nơ	50.000	6.563			43.437			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh loại đất theo đề nghị của BQL dự án tỉnh tại Công văn số 565/BQLDA-ĐHDANN&PT NT ngày 31/5/2024
		3,50	RSX										
4	Xây dựng mương công thoát nước ngoài KCN Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Tân Khai	50.000	8.570			41.430			Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh diện tích theo đề nghị của BQL dự án tỉnh tại Công văn số 565/BQLDA-ĐHDANN&PT NT ngày 31/5/2024
		1,49	LUK	Tân Khai									
5	TBA 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh sẽ đầu nối TBA 110kV Tân Hưng	0,29	CLN	Phước An, Tân Quan, TT Tân Khai	157.752		3.889				153.863	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh diện tích và bổ sung thêm địa điểm khu đất thu hồi (xã Tân Khai)
6	Đường dây 110kV trạm 220kV Bình Long 2 - Bình Long	0,80	CLN	Phước An, Tân Lợi, Thanh Bình, TT. Tân Khai	133.589		11.573				122.016	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
7	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)	15,30	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Hiệp, Đồng Nơ	587.139	25.000			196.394		390.745	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.	Điều chỉnh diện tích
VI Huyện Đồng Phú													
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	27,26	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL	Tân Phước, Tân Hưng	480.000	15.000			232.266		232.734	Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; Quyết định phê duyệt dự án số 2118/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	Điều chỉnh tên dự án
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	188,00	CLN, ONT, DGT, DTL, (LUK 7,87ha) và các loại khác	Tân Hưng, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm	3.000.000	436.000	0	0	797.500		1.766.500	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thống nhất lại tên gọi theo văn bản của các cấp thẩm quyền; Bổ sung loại đất LUK
3	Xây dựng Đường Đồng Tiến-Tân Phú	11,30	CLN, ONT, DGT, DTL, LUK	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	180.000	33.000	0		147.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung loại đất LUK
4	Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	60,00	ODT, CLN, DGT, SON, ONT, CCC, SKC, HNK, LUK	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	646.000	186.000					460.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung loại đất LUK; Điều chỉnh lại loại đất CSK thành SKC

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
5	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	10,00	CLN, ONT, DTL, ODT	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Lập	220.000			20.000			180.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung loại đất DTL, ODT
VII Huyện Bù Đăng													
1	Trạm 110kV Đức Liễu và ĐD 110kV trạm 110kV Bù Đăng - 110kV Đức Liễu	1,45	CLN	Mình Hưng, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Đức Liễu	8.000,0						x	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh diện tích
2	Lộ ra 110kv từ trạm 220kv Phước Long (2 mạch)	0,04	CLN	Nghĩa Bình	9.712,0						x	Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước	Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	500,00	CLN, ONT, DGT, DTL, SON, RSX, TSC, DNL, NTD và các loại đất khác	Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, thống nhất, Phước Sơn, Đoàn Kết, Thọ Sơn, Phú Sơn, Đồng Nai	3.000.000	590.000			2.410.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung xã Đồng Nai; Bổ sung loại đất TSC, DNL, NTD, SON; Thống nhất lại tên gọi
VII Thị xã Chơn Thành													
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và Khu dân cư Becamex Bình Phước (Giai đoạn II)	12,27	ODT, DGD, CLN, DGT, SON, TMD, RPH, DTL, LUK(0,214 ha), NTS	Mình Thành	100.000	17.400						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Do sai sót trong quá trình tổng hợp. Bổ sung thêm loại đất LUK, DTL, NTS, RPH; Bỏ loại đất RSX

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	5,00	ODT, CLN, LUK(1,226 ha), SON, DGT	Minh Hưng	50.000	7.000						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Do sai sót trong quá trình tổng hợp. Điều chỉnh loại đất LUA thành loại đất LUK; Bỏ loại đất ONT; thêm loại đất SON
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng	6,00	ODT, CLN, LUK(0,123 ha) HNK, SON, DGT	Minh Hưng	50.000	5.000						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Do thiếu sót trong quá trình tổng hợp. Bổ sung thêm loại đất HNK, SON; Bỏ loại đất ONT; Điều chỉnh loại đất LUA thành loại đất LUK
4	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	122,81	CLN, ONT, DGT, DTL, ODT, LUK và các loại đất khác	Minh Thành, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Lập	3.000.000			335.000			2.665.000	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Do thiếu sót trong quá trình tổng hợp. Thông nhất lại tên gọi; Bổ sung thêm loại đất LUK, ODT; Bổ sung thêm địa điểm tại Minh Lập
5	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)	6,00	ONT, ODT, CLN, DGT, CHN, DTL và các loại đất khác	Minh Long; Thành Tâm	587.139	9.000		196.394			390.745	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh xã Minh Tâm thành phường Thành Tâm; Đổi tên dự án theo mục số 14 của Báo cáo số 2590/BC-BKHĐT ngày 20/4/2022 của Bộ kế hoạch và Đầu tư
6	Xây dựng đường phía Tây quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng	44,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK, ODT	Minh Long; Thành Tâm	470.444	52.444		418.000				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thêm loại đất ODT
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	92,80	CLN, ONT, ODT, CQP, DTL, DTG	Minh Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành, Hưng Long	1.450.000	450.000		1.000.000				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thêm loại đất DGT

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		
8	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (kết nối các tuyến đường Minh Thành - Bàu Năm	12,08	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, ODT	Minh Thành, Nha Bích	70.000	13.190			56.810			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thêm loại đất ODT do huyện Chơn Thành lên Thị xã và xã Minh Thành lên Phường nên loại đất ở chuyển là đất ODT
9	Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	55,34	ONT, CLN, DGT, ODT	Minh Hưng, Minh Long	1.450.000	22.040			322.960		1.105.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Thêm loại đất ODT
10	Xây dựng đường cao tốc Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	81,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, SON, LUK, BHK, DCK, RSN và các loại đất khác	Minh Thành, Nha Bích	1.474.000,0	64.000,0			141.000,0			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên cho phù hợp và tăng diện tích (do gộp 02 danh mục)
11	Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng	44,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, LUK	Minh Long, Thành Tâm	470.444,0	52.444,0			418.000,0			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Bổ sung loại đất thu hồi (ODT)
IX Huyện Lộc Ninh													
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)	10,60	CLN, SON, ONT, LUK và các loại đất khác	Lộc Thanh, Lộc Quang, Lộc An, Lộc Hòa	587.139	10.800			196.394		390.745	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Đổi tên dự án theo mục số 14 của Báo cáo số 2590/BC-BKHĐT ngày 20/4/2022 của Bộ kế hoạch và Đầu tư
X Huyện Bù Đốp													
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)	15,00	LUK, CLN, CHN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	TT Thanh Bình, xã Thanh Hoà, xã Tân Tiến, xã Tân Thành	587.139	20.000			196.394		390.745	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh	Đổi tên dự án theo mục số 14 của Báo cáo số 2590/BC-BKHĐT ngày 20/4/2022 của Bộ kế hoạch và Đầu tư